PHÒNG GDĐT UÔNG BÍ **TRƯỜNG THCS YÊN THANH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Thanh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thời gian thực hiện chương trình môn học, các hoạt động giáo dục
Năm học 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-THCSYT ngày 26/8/2024 của trường THCS Yên Thanh)

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND Tỉnh về việc ban hành khung thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 1007/PGDĐT ngày 16/8/2024 của Phòng GDĐT Uông Bí V/v hướng dẫn thực hiện Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 5512/ BGDĐT ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 175/SGDĐT-GDTrH ngày 20/01/2021 của Sở GDĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 1055/SGDĐT - GDPT ngày 08/5/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong chương trình GDPT 2018; Công văn số 3107/SGDĐT - GDPT ngày 28/10/2022 về việc hướng dẫn dạy học nội dung giáo dục địa phương cấp trung học theo Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2020-2021.

Trường THCS Yên Thanh xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện chương trình môn học và các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Thực hiện 35 tuần

- Học kỳ I (18 tuần): Từ ngày 05/9/2024 -> 11/01/2025

- Học kỳ II (17 tuần): Từ ngày 13/01/2025 -> 24/5/2025

Về khung thời gian thực hiện kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

HỌC KÌ I

Tuần học	Từ ngày	Đến ngày	Tuần theo KHGD	Tổ chức thực hiện
1	05/9/2024	07/9/2024	**1**	
2	09/9/2024	14/9/2024		
3	16/9/2024	21/9/2024	**2**	
4	23/9/2024	28/9/2024	**3**	
5	30/9/2024	05/10/2024	**4**	
6	07/10/2024	12/10/2024	**5**	
7	14/10/2024	19/10/2024	**6**	
8	21/10/2024	26/10/2024	**7**	Thi HSG cấp TP đợt 1 (21/10/2024)
9	28/10/2024	02/11/2024	**8**	Thi HSG cấp TP đợt 2 (28/10/2024)
10	04/11/2024	09/11/2024	**9**	Kiểm tra giữa kì 1
11	11/11/2024	16/11/2024	**10**	
12	18/11/2024	23/11/2024	**11**	
13	25/11/2024	30/12/2024	**12**	Thi KHKT cấp TP (Tuần 4 tháng 11/2024)
14	02/12/2024	07/12/2024	**13**	Ngoại khóa cụm (Tháng 12/2024)
15	09/12/2024	14/12/2024	**14**	
16	16/12/2024	21/12/2024	**15**	
17	23/12/2024	28/12/2024	**16**	
18	30/12/2025	04/01/2025	**17**	Nghỉ tết Dương lịch (Tư) Kiểm tra cuối kì 1
19	06/01/2025	11/01/2025	**18**	(Hoàn thành HKI: ngày 11/01/2025)

HỌC KÌ II

Tuần học	Từ ngày	Đến ngày	Tuần theo KHGD	Tổ chức thực hiện
19	13/01/2025	18/01/2025	**19**	Thi giáo viên TPT Đội giỏi Thành phố (Tháng 01/2025), cấp Tỉnh (Quý I/2025)
20	20/01/2025	25/01/2025	**20**	
	27/01/2025	01/02/2025		Nghỉ Tết Nguyên Đán
	03/02/2025	08/02/2025		
21	10/02/2025	15/02/2025	**21**	
22	17/02/2025	22/02/2025	**22**	
23	24/02/2025	01/3/2025	**23**	
24	03/3/2025	08/3/2025	**24**	Thi HSG cấp Tỉnh (06/3/2025)
25	10/3/2025	15/3/2025	**25**	Hội thi Giáo viên dạy giỏi TP (Tháng 3/2025)
26	17/3/2025	22/3/2025	**26**	Kiểm tra giữa kì 2
27	24/3/2025	29/3/2025	**27**	
28	31/3/2025	05/4/2025	**28**	
29	07/4/2025	12/4/2025	**29**	
30	14/4/2025	19/4/2025	**30**	
31	21/4/2025	26/4/2025	**31**	
32	28/4/2025	03/5/2025	**32**	Kiểm tra cuối kì 2 khối 9
33	05/5/2025	10/5/2025	**33**	Cuộc thi Sáng tạo TTNNĐ và Giao lưu HSG khối 6,7,8 (Tháng 5/2025)
34	12/5/2025	17/5/2025	**34**	Kiểm tra cuối kì 2 khối 6,7,8; Kết thúc HK2 khối 9
35	19/5/2025	24/5/2025	**35**	Kết thúc HKII (24/5/2025); Kết thúc năm học 30/5/2025
				Xét TN THCS (Trước 25/5/2025)

II. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN MÔN HỌC

Đối với khối lớp 6

Học kỳ I

TUẦN / MÔN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**	
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**	
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**	
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
Lịch sử và địa lý	**Lịch sử**	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	**26**	
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	**28**	
Khoa học tự nhiên	**Hóa**	3	0	0	0	3	4	4	3	2	4	1	0	0	0	0	0	0	0	**24**	**+ 7 tiết ôn tập**
	Lý	0	1	4	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**10**	
	Sinh	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	4	4	4	3	1	4	**31**	
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**	
Nghệ thuật	**Âm nhạc**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
HĐGD bắt buộc																					
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
Nội dung giáo dục của địa phương																					
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**522**	

HỌC KÌ 2

TUẦN / MÔN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**	
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**	
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**	
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
Lịch sử và địa lý	**Lịch sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	**26**	
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	**25**	
Khoa học tự nhiên	**Hóa**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**+ 7 tiết ôn tập**
	Lý	0	0	0	0	0	0	1	2	4	4	4	4	4	4	2	2	4	**35**	
	Sinh	4	4	4	4	4	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**26**	
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**	
Nghệ thuật	**Âm nhạc**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
HĐGD bắt buộc																				
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**	
Nội dung giáo dục của địa phương																				
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**	
Tổng số tiết bắt buộc/tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**	

Đối với khối lớp 7

HỌC KÌ 1

TUẦN / MÔN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	1	**27**
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	2	**27**
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**35**
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**37**
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
HĐGD bắt buộc																				
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
Nội dung giáo dục của địa phương																				
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**522**

HỌC KÌ 2

TUẦN / MÔN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lịch sử và địa lý	**Lịch sử**	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	26
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	25
Khoa học tự nhiên	**Hóa**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8
	Sinh	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	60
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Nghệ thuật	**Âm nhạc**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
HĐGD bắt buộc																			
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
Nội dung giáo dục của địa phương																			
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Tổng số tiết bắt buộc/tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**

Đối với khối lớp 8

HỌC KÌ 1

TUẦN / MÔN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng /môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	27
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	27
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	27
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	35
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐGD bắt buộc																				
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51	HĐTNHN
Nội dung giáo dục của địa phương																				
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	29	539

HỌC KÌ 2

TUẦN / MÔN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lịch sử và địa lý	**Lịch sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	**26**
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	**25**
Khoa học tự nhiên	**Hóa**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	**30**
	Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	**21**
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Nghệ thuật	**Âm nhạc**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
HĐGD bắt buộc																			
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
Nội dung giáo dục của địa phương																			
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Tổng số tiết bắt buộc/tuần tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**

Đối với khối 9

HỌC KÌ 1

TUẦN / MÔN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng /môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	27
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	35
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐGD bắt buộc																				
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51	HĐTNHN
Nội dung giáo dục của địa phương																				
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	29	539

HỌC KÌ 2

TUẦN / MÔN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	**26**
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	2	1	**25**
Khoa học tự nhiên	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	**21**
	Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	**26**
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	**21**
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
HĐGD bắt buộc																			
HĐTNHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
Nội dung giáo dục của địa phương																			
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Tổng số tiết bắt buộc/tuần tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Ban hành Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025, triển khai thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Tổng hợp kế hoạch giáo dục các môn học, kế hoạch các hoạt động giáo dục của nhà trường, của các tổ/nhóm chuyên môn để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025; trình hội đồng trường ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn thực hiện xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học theo đúng hướng dẫn tại mục 1,2 Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2020-2021 (Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH).

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch các hoạt động giáo dục, đảm bảo bám sát hướng dẫn tại mục 1,3 Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH và các văn bản hướng dẫn khác của Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Tổ chức triển khai tốt việc chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường theo chỉ đạo của các cấp; thực hiện việc chuyển đổi số trong quản lý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo hướng dẫn; chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm học của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kí duyệt kế hoạch dạy học bộ môn của giáo viên và trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp, kế hoạch dạy học trải nghiệm theo môn học. Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng (Tập trung vào nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học).

- Chú trọng việc ứng dụng chuyển đổi số trong dạy - học và kiểm tra, đánh giá học sinh; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá.

4. Giáo viên Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm, chủ đề thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách. Triển khai, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động chào cờ tập thể đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường. Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

5. Giáo viên phụ trách thư viện, phụ trách thiết bị

- Tham mưu Hiệu trưởng về kế hoạch mua sắm, trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc thực hiện chương trình giáo dục năm học tại đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách. Tổ chức giới thiệu sách, hướng dẫn học sinh cách đọc sách, tìm hiểu về ý nghĩa của việc đọc sách; giới thiệu cho học sinh về công năng của thiết bị dạy học, cách sử dụng thiết bị vào hoạt động học tập hiệu quả, cách bảo quản thiết bị vv. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu lãnh đạo nhà trường tổ chức các hoạt động: ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; hội thi làm đồ dùng dạy học.

6. Giáo viên

- Nghiên cứu, nắm bắt chương trình giáo dục phổ thông 2018 để xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Xây dựng sử dụng công nghệ số, học liệu số, tài liệu điện tử và tài nguyên trực tuyến phát triển năng lực số, thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học.

- Phối hợp với Nhà trường, Liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thời gian thực hiện chương trình môn học, các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 của trường THCS Yên Thanh, yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT (b/c);
- UBND phường YT (b/c);
- Tập thể, cá nhân nhà trường (t/h);
- Đăng tải website NT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. UÔNG BÍ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ YÊN THANH

Phan Thị Bích Huệ